

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS- ST
Ngày: 06-3-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vi Quốc Thanh

2. Ông Nguyễn Văn Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc “*tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn:

Ông Đoàn Văn R, sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ủy quyền cho anh Phan Văn D, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre

2. Bị đơn:

Ông Nguyễn Văn T (T A), sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Bùi Thị Lan H, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Anh D có đơn xin vắng mặt; ông T, bà H có mặt tại tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đoàn Văn R và đại diện theo ủy quyền anh Phan Văn D trình bày:

Từ năm 2015 ông Đoàn Văn R có hợp đồng bằng lời về việc mua bán thức ăn chăn nuôi heo với vợ chồng ông Nguyễn Văn T (T A) và bà Bùi Thị Lan H. Hai bên thỏa thuận là bán heo thanh toán tiền, từ khi mua thức ăn đến khi bán heo là khoảng

04 đến 05 tháng. Đến tháng 03/2017 thì hai bên kết thúc việc mua bán do ông T, bà H nhiều lần bán heo nhưng không thanh toán đủ tiền thức ăn cho ông R.

Đến ngày 05/03/2017 hai bên tổng kết nợ, ông T (T A) và bà H có ký tên xác nhận còn nợ ông R số tiền 19.770.000 đồng. Do nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông T bà H trả tiền nợ còn thiếu nhưng vợ chồng ông T không trả nên ông R khởi kiện yêu cầu ông T (T A) và bà H liên đới trả cho ông R số tiền mua thức ăn còn thiếu là 19.770.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T (T A) trình bày:

Trước đây ông có hợp đồng mua thức ăn chăn nuôi của đại lý ông Nguyễn Văn R. Thời gian đã lâu nên không nhớ chính xác ngày bắt đầu giao dịch mua bán. Do việc chăn nuôi có gặp khó khăn nên vợ chồng ông không thanh toán đủ tiền thức ăn còn nợ cho ông R. Ông thừa nhận hiện nay còn nợ ông R số tiền là 19.770.000 đồng nhưng do tháng 03/2017 ông R tự ý cắt thức ăn không cung cấp cho ông nên hiện nay ông đã bán hết heo để trả nợ. Kinh tế ông gặp khó khăn nên xin trả dần mỗi năm là 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Việc mua bán chăn nuôi này vợ là Bùi Thị Lan H cũng có biết, chăn nuôi là để phát triển kinh tế gia đình.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Lan H trình bày:

Bà thống nhất với trình bày của ông R, không có bổ sung gì thêm. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà cũng yêu cầu được trả dần mỗi năm 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, qua tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc mua bán tài sản. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã K, huyện M, căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

Anh Phan Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh D là phù hợp.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi giữa các bên được hai bên các bên thừa nhận có thật, phía ông T, bà H thừa nhận còn nợ ông R số tiền là 19.770.000 đồng tiền thức ăn gia súc như phía ông R yêu cầu. Đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh nên có cơ sở khẳng định ông T, bà H còn nợ ông R tiền thức ăn chăn nuôi. Ông T, bà H đồng ý trả cho ông R với số tiền là 19.770.000 đồng nhưng do kinh tế ông gặp khó khăn nên xin trả dần mỗi năm là 2.000.000 đồng cho đến khi hết

nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng, ông R và ông T thỏa thuận từ ngày mua thức ăn đến ngày trả tiền là khi heo ra chuồng nhưng ông T không trả tiền theo đúng thỏa thuận và ông T đã không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả tiền của bên mua nên buộc ông T (T) phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền còn nợ là 19.770.000 đồng cho ông R là phù hợp. Việc ông R không yêu cầu tính lãi là sự tự nguyện nên ghi nhận.

Đối với bà H là vợ ông T mặc dù không trực tiếp tham gia hợp đồng mua bán thức ăn với ông R, tuy nhiên việc ông T mua thức ăn nuôi heo là để phục vụ phát triển kinh tế gia đình, bà H cũng đồng ý cùng ông R liên đới trả nợ, do đó căn cứ vào Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình, buộc bà Bùi Thị Lan H phải liên đới cùng với ông T trả cho ông R số tiền nợ thức ăn chăn nuôi còn nợ 19.770.000 đồng là phù hợp.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông T, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tuy nhiên do ông T, bà H thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn nộp án phí theo qui định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 430, 431, 433, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Đoàn Văn R.

Buộc ông Nguyễn Văn T (T A) và bà Bùi Thị Lan H liên đới trả cho ông Đoàn Văn R số tiền thức ăn chăn nuôi còn thiếu là 19.770.000 đồng, không tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Nguyễn Văn T (T A) và bà Bùi Thị Lan H được miễn nộp.

Hoàn trả cho ông Đoàn Văn R số tiền tạm ứng án phí là 494.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007773 ngày 09/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,

7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án ; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (01b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (02b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc(01b);
- Đương sự (03b);
- Lưu HS, VP (03b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Uyên

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

